



2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,...):

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Rau muống chuyên canh	m2	43,6	19.600	100%	854.560	
<b>Tổng cộng: (C)</b>						<b>854.560</b>	

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

Stt	Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (bảng 5 lần giá đất nông nghiệp): 290.000đ/m <sup>2</sup> x 5 lần = 1.450.000đ/m <sup>2</sup> .	m2	43,6	1.450.000	63.220.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp dưới 30% diện tích đất NN đang sử dụng (30kg x 3 tháng x 16.600đ/kg = 1.494.000đ/khâu nông nghiệp).	Khâu	3	1.494.000	4.482.000	
3	Thường tiền độ bàn giao mặt bằng: 10.000đ/m <sup>2</sup> nhưng tối đa không quá 10.000.000đ/chủ sử dụng đất.	m2			0	Sẽ được phê duyệt sau khi người sử dụng đất đủ điều kiện, nhận tiền và bàn giao diện tích đất thu hồi theo đúng quy định
<b>Tổng tiền: (D)</b>					<b>67.702.000</b>	

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (nếu có) (E): Không

5. Phương án tái định cư (F): Không

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+(C)+(D)

81.200.560 đồng

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: (E) + (F)

0 đồng

V. Tổng số tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV)

81.200.560 đồng

Bằng chữ: Tám mươi một triệu hai trăm nghìn năm trăm sáu mươi đồng

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

**CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Thu Hương**